

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH CÔNG KHAI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN

Quý 1 năm 2025

(Kèm theo Thông báo: /TB-SNNMT ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc lương hiện hưởng			Bậc lương sau khi được nâng			Ghi chú
					Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	
1	Phạm Văn Đức	01.003	Giám đốc	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên	5	3,66	01/01/2022	6	3,99	01/01/2025	
2	Phạm Tất Đạt	01.002	Trưởng phòng	Phòng Khoáng sản	2	4,74	01/4/2022	3	5,08	01/4/2025	
3	Đinh Hà Tuyết	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đất đai	7	4,32	01/4/2022	8	4,65	01/4/2025	
4	Đinh Thị Thu Trang	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đất đai	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/3/2025	
5	Nguyễn Hoài Nam	V.11.06.14	Phó Giám đốc	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên	7	4,32	01/12/2024	8	4,65	01/12/2024	
6	Nguyễn Nam Cường	01.003	Viên chức	Phòng Tổng hợp và Dữ liệu, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên	1	2,34	01/3/2022	2	2,67	01/3/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc lương hiện hưởng			Bậc lương sau khi được nâng			Ghi chú
					Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	
7	Trần Minh Tuấn	V.11.06.14	Phó Trưởng phòng	Phòng Công nghệ và hạ tầng, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên	4	3,33	01/8/2022	5	3,66	01/02/2025	
8	Hoàng Thọ Phong	01.003	Phó Giám đốc	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	4	3,33	01/4/2022	5	3,66	01/4/2025	
9	Hà Đức Huy	01.003	Phó Giám đốc	Văn phòng Đăng ký đất đai	6	3,99	01/01/2022	7	4,32	01/01/2025	
10	Lê Thị Phương Thảo	01.003	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	8	4,65	01/01/2022	9	4,98	01/01/2025	
11	Nông Trọng Nghĩa	01.003	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/3/2025	
12	Vũ Thị Thùy Dương	04.025	Thanh tra viên	Thanh tra Sở	4	3,33	01/4/2022	5	3,66	01/4/2025	
13	Lê Ngọc Anh	01.003	Chuyên viên	Thanh tra Sở	1	2,34	01/3/2022	2	2,67	01/3/2025	
14	Lê Văn Bình	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Yên Đổ, Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	6	3,99	01/3/2022	7	4,32	01/3/2025	
15	Phạm Trần Khánh	10.225	Đội trưởng	Đội Kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm	4	5,42	01/01/2022	5	5,76	01/01/2025	
16	Phạm Mạnh Dũng	10.226	Kiểm lâm viên	Đội Kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/3/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc lương hiện hưởng			Bậc lương sau khi được nâng			Ghi chú
					Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	
17	Vi Hồng Khánh	10.226	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên - Sông Công, Chi cục Kiểm lâm	8	4,65	01/3/2022	9	4,98	01/3/2025	
18	Nguyễn Thế Vy	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Hợp Tiến, Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm lâm	6	3,99	01/01/2022	7	4,32	01/01/2025	
19	Bùi Khắc Thịnh	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Tràng Xá, Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	6	3,99	01/3/2022	7	4,32	01/3/2025	
20	Phạm Thành Long	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Tân Dương, Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa, Ban Quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	7	4,32	01/02/2022	8	4,65	01/02/2025	
21	Hoàng Văn Hồng	V.03.10.29	Viên chức	Ban quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	7	4,32	01/3/2022	8	4,65	01/3/2025	
22	Nguyễn Thị Hiện	V.03.10.29	Viên chức	Ban quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/3/2025	
23	Đoàn Kiều Hưng	13.095	Trưởng Phòng	Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản	8	4,65	01/01/2022	9	4,98	01/01/2025	
24	Trương Xuân Toàn	01.003	Phó trưởng phòng	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/3/2025	
25	Hoàng Thị Bình	01.003	Viên chức	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản	7	4,32	01/01/2022	8	4,65	01/01/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc lương hiện hưởng			Bậc lương sau khi được nâng			Ghi chú
					Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	
26	Hoàng Trùng Dương	09.319	Kiểm dịch viên thực vật	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	7	4,32	01/01/2022	8	4,65	01/01/2025	
27	Phạm Thùy Linh	V03.10.29	Viên chức	Trạm Bảo vệ rừng số 3, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	5	3,99	01/01/2022	6	4,32	01/01/2025	
28	Trịnh Thị Hồng Hạnh	V03.10.29	Viên chức	Trạm Bảo vệ rừng số 3, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	1	2,34	01/3/2022	2	2,67	01/3/2025	
29	Phạm Văn Trung	V03.10.29	Viên chức	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	1	2,34	01/3/2022	2	2,67	01/3/2025	
30	Phạm Ngọc Hùng	V03.10.29	Viên chức	Trạm Bảo vệ rừng số 3, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	1	2,34	01/3/2022	2	2,67	01/3/2025	
31	Chu Thị Hương Giang	V.03.09.26	Trạm trưởng	Trạm chuyển giao kỹ thuật và Dịch vụ Khuyến nông trực thuộc Trung tâm Khuyến nông	6	3,99	01/2/2022	7	4,32	01/02/2025	
32	Bùi Thị Thương	V.03.09.26	Viên chức	phòng Thông tin - Đào tạo thuộc Trung tâm Khuyến nông	6	3,99	01/01/2022	7	4,32	01/01/2025	
33	Trịnh Thị Thanh Hải	06.031	Viên chức	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Khuyến nông	7	4,32	01/01/2022	8	4,65	01/01/2025	
34	Phạm Thị Thu Hương	01.002	Phó Trưởng phòng	Phòng Nông thôn mới, Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1	4,40	01/3/2022	2	4,74	01/3/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc lương hiện hưởng			Bậc lương sau khi được nâng			Ghi chú
					Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm hưởng	
35	Lương Xuân Thái	01.003	Chuyên viên	Phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư, Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	3	3,00	01/01/2022	4	3,33	01/01/2025	
36	Vũ Văn Hoà	01.003	Chuyên viên	Phòng Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2025	
37	Nguyễn Văn Trường	01.002	Giám đốc	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn	2	4,74	01/01/2022	3	5,08	01/01/2025	
38	Ma Khánh Kiên	13.095	Quyền Hạt trưởng	Hạt quản lý đê Phở Yên, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	6	3,99	01/02/2022	7	4,32	01/02/2025	
39	Nông Đức Mạnh	V.05.02.07	Viên chức	Hạt quản lý đê Hà Châu, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	1	2,34	01/02/2022	2	2,67	01/02/2025	
40	Hoàng Văn Huân	13.096	Viên chức	Hạt quản lý đê Hà Châu, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	8	3,26	01/01/2023	9	3,46	01/01/2025	
41	Lương Đức Hoan	01.003	Chuyên viên	Phòng Giảm nghèo, Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	7	4,32	01/6/2022	8	4,65	01/6/2025	

Danh sách này có 41 trường hợp.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH CÔNG KHAI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NÂNG (HƯỞNG) PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG
Quý 1 năm 2025

(Kèm theo Thông báo: /TB-SNNMT ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc, hệ số lương, hệ số phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng				Phụ cấp thâm niên vượt khung sau khi được nâng (hưởng)		Ghi chú
					Bậc	Hệ số	%	Ngày, tháng, năm hưởng	%	Ngày, tháng, năm hưởng	
1	Lê Văn Quân	10.228	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ, Chi cục Kiểm lâm	12	4,06	12	01/02/2024	13	01/02/2025	
2	Nguyễn Công Trội	10.226	Kiểm lâm viên	Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên - Sông Công, Chi cục Kiểm lâm	9	4,98	12	01/02/2024	13	01/02/2025	
3	Nguyễn Đức Tú	10.226	Kiểm lâm viên	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	9	4,98	6	01/3/2024	7	01/3/2025	
4	Nguyễn Thị Mai	10.226	Kiểm lâm viên	Phòng Tổ chức Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	9	4,98	5	01/02/2024	6	01/02/2025	
5	Vũ Tiến Giang	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm kiểm lâm Bản Ngoại, Hạt Kiểm lâm Đại Từ, Chi cục Kiểm lâm	9	4,98	5	01/01/2024	6	01/01/2025	
6	Dương Văn Thanh	01.003	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	9	4,98	11	01/01/2024	12	01/01/2025	
7	Hà Trọng Tuấn	01.003	Giám đốc	Trung tâm Khuyến nông	9	4,98	9	01/01/2024	10	01/01/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Bậc, hệ số lương, hệ số phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng				Phụ cấp thâm niên vượt khung sau khi được nâng (hưởng)		Ghi chú
					Bậc	Hệ số	%	Ngày, tháng, năm hưởng	%	Ngày, tháng, năm hưởng	
8	Ma Văn Thái	01.003	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	9	4,98	-	01/01/2022	5	01/01/2025	
9	Đỗ Anh Dũng	V.03.09.26	Trưởng phòng	Phòng Thông tin- Đào tạo, Trung tâm Khuyến nông	9	4,98	-	01/02/2022	5	01/02/2025	
10	Lê Chí Thành	01.003	Trưởng phòng	Phòng Nông thôn mới, Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	9	4,98	-	01/01/2022	5	01/01/2025	
11	Nguyễn Hoàng Phương	01.003	Chuyên viên	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	9	4,98	-	01/01/2022	5	01/01/2025	

Danh sách này có 11 trường hợp

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH CÔNG KHAI CÔNG CHỨC NÂNG (HƯỞNG) PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ

Quý 1 năm 2025

(Kèm theo Thông báo: /TB-SNNMT ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Phụ cấp thâm niên nghề hiện hưởng		Phụ cấp thâm niên nghề sau khi được nâng (hưởng)		Ghi chú
					%	Ngày, tháng, năm	%	Ngày, tháng, năm	
1	Trần Minh Hà	10.226	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Kiểm lâm	9	01/01/2024	10	01/01/2025	
2	Vũ Đức Công	10.225	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
3	Nguyễn Thị Thúy	10.226	Trưởng phòng	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	15	01/01/2024	16	01/01/2025	
4	Phạm Trần Khánh	10.225	Đội trưởng	Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
5	Ngô Duy Linh	10.226	Kiểm lâm viên	Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
6	Phạm Anh Tuấn	10.226	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
7	Lê Cao Trình	10.226	Kiểm lâm viên	Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
8	Nguyễn Văn Lũy	10.226	Kiểm lâm viên	Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	13	15/02/2024	14	15/12/2025	
9	Nguyễn Đức Tú	10.226	Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	27	01/02/2024	28	01/02/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Phụ cấp thân niên nghề hiện hưởng		Phụ cấp thân niên nghề sau khi được nâng (hưởng)		Ghi chú
					%	Ngày, tháng, năm	%	Ngày, tháng, năm	
10	Nguyễn Văn Thuận	10.225	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
11	Hứa Đức Chung	10.226	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
12	Hà Đức Sơn	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Yên Đỗ, Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương, Chi cục Kiểm lâm	8	01/01/2024	9	01/01/2025	
13	Vũ Đức Chương	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Bản Ngoại, Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ, Chi cục Kiểm lâm	15	01/01/2024	16	01/01/2025	
14	Vũ Tiến Giang	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Bản Ngoại, Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
15	Lê Văn Quân	10.228	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ, Chi cục Kiểm lâm	26	01/02/2024	27	01/02/2025	
16	Phạm Cao Bồn	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Kim Phượng, Ban quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	15	01/02/2024	16	01/02/2025	
17	Nguyễn Tiến Bằng	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Quán Vuông, Ban quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
18	Trần Đức Bảy	10.228	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	
19	Ngô Văn Huy	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Phúc Thuận, Hạt Kiểm lâm thành phố Phổ Yên, Chi cục Kiểm lâm	28	01/02/2024	29	01/02/2025	

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Chức vụ	Đơn vị công tác	Phụ cấp thân niên nghề hiện hưởng		Phụ cấp thân niên nghề sau khi được nâng (hưởng)		Ghi chú
					%	Ngày, tháng, năm	%	Ngày, tháng, năm	
20	Nguyễn Thị Loan	10.225	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm thành phố Phổ Yên, Chi cục Kiểm lâm	18	01/02/2024	19	01/02/2025	
21	Khổng Văn Mạnh	10.226	Tổ trưởng	Tổ KLCD&PCCCR, Hạt Kiểm lâm thành phố Phổ Yên, Chi cục Kiểm lâm	13	01/01/2024	14	01/01/2025	
22	Hứa Văn Tiến	10.226	Phó Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên - Sông Công, Chi cục Kiểm lâm	7	05/01/2024	8	05/01/2025	
23	Nguyễn Quang Mừng	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Cúc Đường, Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	5	14/02/2024	6	14/02/2025	
24	Đinh Xuân Hữu	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Trảng Xá, Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai, Chi cục Kiểm lâm	5	14/02/2024	6	14/02/2025	
25	Nguyễn Thị Hương Nhâm	10.226	Kiểm lâm viên	Phòng Tổ chức Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	20	01/01/2024	21	01/01/2025	
26	Lương Văn Trung	04.025	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra Sở	6	01/3/2024	7	01/3/2025	
27	Phan Thanh Thắng	10.226	Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Phú Đình, Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa thuộc Ban Quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	-	-	5	01/01/2025	
28	Nguyễn Đình Lưu	10.226	Phó Trạm trưởng	Trạm Kiểm lâm Quán Vuông, Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa thuộc Ban Quản lý rừng ATK Định Hóa, Chi cục Kiểm lâm	-	-	5	01/01/2025	

Danh sách này có 28 trường hợp.